

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131 /2019/DS-PT
Ngày: 10 - 5 - 2019
V/v tranh chấp “Thừa kế quyền sử dụng
đất, Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Thừa kế quyền sử dụng đất, Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 287/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Huỳnh Văn H, sinh năm 1965 (có mặt)

2. Phạm Thị Thu N, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Minh H – Văn phòng luật sư Nguyễn Minh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Huỳnh Văn T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Huỳnh Văn T: Nguyễn Thị C, sinh năm 1959 (là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/10/2015) (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, TP. M, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Thị H – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1955 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện T, Long An.

2. Huỳnh Văn L, sinh năm 1960 (chết)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn L:

+ Trần Thị B, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt)

+ Huỳnh Hữu D, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

+ Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1938 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang

4. Huỳnh Văn M, sinh năm 1945 (chết)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M:

+ Ngô Thị H, sinh năm 1956 (có đơn xin vắng mặt)

+ Huỳnh Kim D, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, Tiền Giang.

+ Huỳnh Minh D, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

5. Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

6. Huỳnh Nhật T, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của T, T: Huỳnh Văn H, sinh năm 1965 (là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23/9/2015) (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

7. Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

8. Huỳnh Thị Diễm T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

9. Trần Hoài A, sinh năm 1979 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

10. Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

11. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: số H, L, quận B, H.

Người đại diện theo ủy quyền: Đặng Thị Thu N, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện C.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Văn H, Phạm Thị Thu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N trình bày:

Cha mẹ của ông bà là cụ Huỳnh Văn L (chết năm 2007) và cụ Nguyễn Thị B (chết năm 2000). Cụ L và cụ B có 5 người con là Huỳnh Văn M, Huỳnh Ngọc T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn H. Ngoài ra, cụ B có 1 người con riêng là Nguyễn Văn N.

Cụ L và cụ B chết có để lại diện tích đất ruộng 2.734m² và diện tích đất thổ quả 211m² tọa lạc tại ấp T, xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, Tiền Giang do cụ Lộ đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002. Thời điểm năm 2002, hộ khẩu gia đình của cụ Lộ gồm cụ L, cụ B, ông H, bà N, anh Huỳnh Ngọc T và anh Huỳnh Nhật T. Cụ L và cụ B chết không để lại di chúc, sau khi cụ L chết, phần đất ruộng do ông T quản lý, còn phần đất thổ quả do ông H cất nhà ở và sử dụng cho đến nay.

Nay ông, bà yêu cầu đối với diện tích đất ruộng 2.734m² thì chia cho vợ chồng ông H, bà N và 2 người con của ông bà làm 4 phần, cha mẹ ông H làm 2 phần. Phần của cha mẹ ông H thì yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Riêng phần đất thổ quả 211m², ông H yêu cầu được thừa kế, không đồng ý chia. Đối với phần đất diện tích 2.000m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang có nguồn gốc cụ L mua của ông Nguyễn Văn C vào năm 1972 có làm giấy tay mà hiện ông T đang quản lý và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông, bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất này.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của ông H về họ tên cha, mẹ và hàng thừa kế. Cha mẹ của ông chết có để lại diện tích đất ruộng 2.734m² và diện tích đất thổ quả 211m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang do cha ông đại diện hộ gia đình đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất ruộng 2.734m² thì cha ông có lập di chúc cho ông và ông đang trực tiếp quản lý. Phần đất thổ quả 211m² thì ông H cất nhà ở và quản lý đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N thì ông không đồng ý. Ông yêu cầu được chia thừa kế diện tích phần đất ruộng 2.734m² theo di chúc ngày 9/3/2005. Đối với phần đất thổ quả 211m², cha mẹ ông không để lại di chúc nên ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

Đối với phần đất cha ông mua của ông Nguyễn Văn C thì cha ông đã cho ông và ông Huỳnh Văn L mỗi người khoảng 600m², khi cho không làm giấy tờ nhưng anh em trong gia đình ai cũng biết. Ông đã xây cột bê tông ngăn

cách giữa hai bên và cất nhà để ở. Năm 1998, ông kê khai diện tích đất 654,1m² thuộc thửa số 257, TBĐ số 7 và đến năm 2004 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cũng thời điểm vào năm 1986, cha mẹ ông cho ông L phần đất thuộc thửa số 77, diện tích 608,3m². Do vợ chồng ông L khó khăn nên cất nhà thô sơ để ở. Năm 1989, ông L bị bệnh tâm thần nên đốt nhà, vợ chồng con cái của ông L về ở đậu bên nhà mẹ vợ tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang. Năm 2004, ông L bị bệnh nặng nên bà B đã bán phần đất này cho vợ chồng ông với giá 30.000.000 đồng. Sau đó, ông đã xây hàng rào, trụ bê tông bao quanh phần đất cho đến nay. Nay ông không đồng ý yêu cầu của ông H, bà N chia diện tích đất 654,1m² và 608,3m² vì cha ông đã cho ông và bà Ba đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Ba cho ông.

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn M trình bày:

Ông yêu cầu chia thừa kế phần đất 211m² cho 6 người con, mỗi người được hưởng 1/6 giá trị theo luật thừa kế. Bác yêu cầu đòi đất ruộng của ông H vì cụ L đã lập di chúc cho lại ông T và di chúc có chứng thực của UBND xã T. Ngày 26/8/2017, ông M chết.

- Bà Ngô Thị H - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M trình bày:

Bà là vợ của ông Huỳnh Văn M. Bà và ông M có 2 người con là Huỳnh Kim D và Huỳnh Minh D. Ngày 26/8/2017, ông M chết do bệnh nhồi máu cơ tim. Ông M có nhận số tiền 47.000.000 đồng nhưng bà và các con của bà đều không hay biết. Ông M đã sử dụng số tiền này để điều trị bệnh tim. Do đây là tài sản bên gia đình chồng, bà không có liên quan nên xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế phần đất 211m² của ông M theo đơn yêu cầu ngày 01/9/2008 của ông M.

- Anh Huỳnh Minh D và chị Huỳnh Kim D - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn M có ý kiến: Đề nghị Tòa án căn cứ vào bản tự khai và các tài liệu do ông M cung cấp để xét xử. Đồng thời do công việc làm ăn nên anh, chị xin được vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử vụ án.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Ngọc T và anh Huỳnh Nhật T trình bày:

Các anh là con của ông H, bà N. Nay các anh yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình cụ Huỳnh Văn L là diện tích đất ruộng 2.734m² và diện tích đất thổ quả 211m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang cho các thành viên trong hộ gia đình gồm cụ L, ông H, bà N, anh T, anh T. Phần tài sản được chia thì các anh đồng ý cho lại ông H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T trình bày:

Các ông thống nhất với ông H, ông Tám về nhân thân. Còn về tài sản, phần đất 2.734m² đất ruộng hiện ông T đang quản lý, phần đất thổ quả 211m² hiện ông H đang quản lý, nếu chia thừa kế thì phần các ông được hưởng và hiện ai đang quản lý thì các ông tự nguyện cho người quản lý được hưởng.

Năm 1986, cha mẹ của các ông có cho ông T và ông L mỗi người hơn 600m² để canh tác. Ông T và ông L đã đăng ký tại xã vào năm 1998 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T đã xây hàng rào ngăn cách giữa hai phần đất của ông T và ông L. Cùng năm 1986, ông Tám cất nhà và vợ chồng ông L cũng cất căn nhà lá trên đất cho riêng mỗi người. Lúc này mọi người trong gia đình đều biết. Năm 1989, ông L bị bệnh tâm thần đã đốt căn nhà lá của hai vợ chồng. Năm 2004, do cần tiền trị bệnh cho ông L nên vợ con ông L đã bán thửa đất trên cho ông T với giá 30.000.000 đồng. Lúc bán đất, trên đất này không có nhà và công trình khác. Ông T mua đất xong thì xây hàng rào xung quanh và trồng dừa trên đất. Do sức khỏe yếu nên ông Ngọc xin được vắng mặt khi giải quyết vụ án.

4. Bà Trần Thị B - người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn L trình bày:

Phần đất diện tích 608,3m² thuộc thửa số 77, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang có nguồn gốc do cụ L, cụ B cho vợ chồng bà vào năm 1986. Sau đó, bà đã cất căn nhà lá để ở. Năm 1989, ông L bị bệnh tâm thần nên đã đốt căn nhà lá. Khi bà bán đất cho ông T thì trên đất không có nhà và cây trái gì.

Nay bà tự nguyện tặng cho phần di sản mà bà được hưởng cho ông H. Do sức khỏe và bận công việc nhà nên bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

5. Anh Huỳnh Hữu D Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Khi ông L là ông nội anh chia tài sản cho gia đình thì anh còn rất nhỏ, không biết gì. Do bận công việc nên anh xin được vắng mặt. Tại văn bản từ chối nhận di sản ngày 13/5/2017, anh D tự nguyện tặng cho di sản mà anh được hưởng cho ông H.

6. Tại văn bản ngày 27/11/2017, chị Huỳnh Thị Thu V trình bày:

Chị tự nguyện tặng cho phần di sản mà chị được hưởng cho ông H và xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

7. Anh Trần Hoài A trình bày: A là người thuê diện tích đất ruộng 2.734m² của ông T. Việc thuê đất mỗi năm trao đổi thuê mướn một lần, không làm hợp đồng gì. Khi nào ông T cần lấy lại thì anh giao trả lại. Do anh không có liên quan gì đến việc tranh chấp đất thừa kế giữa ông H và ông T nên xin được vắng mặt trong các buổi hòa giải, xét xử của Tòa án.

8. Tại biên bản ghi lời khai ngày 02/3/2018, anh Nguyễn Văn T trình bày: Tháng 8/2017, anh thuê phần đất ruộng diện tích 2.734m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang của ông T. Hai bên không làm văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng, tiền thuê mỗi năm là 5.000.000 đồng. Đối với vụ kiện thừa kế giữa ông H và ông T thì anh không có yêu cầu gì vì không có liên quan. Khi nào ông T yêu cầu trả đất thì anh đồng ý trả. Đồng thời, anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

9. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C trình bày: Ngày 20/3/2015, ông Tám có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện C số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 188/HĐTD, mục đích mua bán lúa gạo, kỳ hạn trả nợ là 15/9/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 188 ngày 20/3/2015 gồm các tài sản mà ông H và ông T đang tranh chấp. H ông T đã trả hết nợ vốn và lãi cho ngân hàng nên ngân hàng xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* Bản án sơ thẩm số: 287/2018/DSST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào Điều 35, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vào các điều 634, 652, 667, 676, 684, 685 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án 2009.

Xử: 1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N v/v yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T v/v yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn M v/v yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Huỳnh Nhật T, Huỳnh Ngọc T v/v yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

2. Xác định di sản thừa kế do cụ Huỳnh Văn L và cụ Nguyễn Thị B để lại là:

- Phần đất ruộng diện tích 2.734m² (đo thực tế 2.876m²) thuộc thửa số 1033, TBĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

- Phần đất thổ quả diện tích 211m² (đo thực tế 257,4m²) thuộc thửa số 1762, TBĐ số H tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

3. Xác định di chúc lập ngày 9/3/2005 của cụ Huỳnh Văn L có hiệu lực pháp luật một phần.

4. Chia cho ông Huỳnh Văn H được quản lý, sử dụng phần đất thổ quả diện tích 211m² (đo thực tế 257,4m²) thuộc thửa số 1762, TBĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang với tứ cận:

Đông giáp Tỉnh lộ 866.

Tây giáp Đặng Văn N.

Nam giáp Huỳnh Văn M.

Bắc giáp Phan Văn T.

(Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 6/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

- Ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Văn T, các đồng thừa kế của ông H Văn M kỹ phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị B để lại, mỗi đồng thừa kế được nhận kỹ phần có giá trị là 43.949.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Huỳnh Ngọc T, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Văn T, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M ký phần thừa kế của cụ Huỳnh Văn L để lại, mỗi đồng thừa kế được nhận ký phần có giá trị là 70.319.000 đồng.

Do ông Huỳnh Văn H đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn M số tiền 47.215.386 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 6/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được cản trừ nên còn phải hoàn lại cho các đồng thừa kế của ông M số tiền 23.103.600 đồng.

Do ông Huỳnh Văn H đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền 7.773.084 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 6/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được cản trừ nên còn phải hoàn lại cho ông T số tiền 62.546.000 đồng.

+ Ghi nhận ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L cho lại ký phần thừa kế cho ông Huỳnh Văn H.

5. Chia cho ông Huỳnh Văn T được quản lý, sử dụng phần đất ruộng diện tích 2.734m² (đo thực tế 2.876m²) thuộc thửa số 1033, TBĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang với tứ cận:

- Đông giáp Nguyễn Thị B.
- Tây giáp Nguyễn Văn L.
- Nam giáp Trần Văn T.
- Bắc giáp Huỳnh Thị C, Nguyễn Thị T.

(Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 6/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Văn H, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M ký phần thừa kế của cụ Nguyễn Thị B để lại, mỗi đồng thừa kế được nhận ký phần có giá trị là 26.705.700 đồng.

Do ông Huỳnh Văn T đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn M số tiền 13.147.434 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 6/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được cản trừ nên còn phải hoàn lại cho các đồng thừa kế của ông M số tiền 13.558.000 đồng.

+ Ghi nhận ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T cho lại ký phần thừa kế được hưởng cho ông Huỳnh Văn T.

+ Ghi nhận các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L cho lại ký phần thừa kế được hưởng cho ông Huỳnh Văn H.

Ông Huỳnh Văn H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

6. Công nhận phần đất diện tích 654,1m² thuộc thửa số 7 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang và phần đất diện tích 608,3m² thuộc thửa đất số 77 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Huỳnh Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 18.492.000 đồng. Ông H đã nộp 9.704.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 013746 ngày 16/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 8.788.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu 20.321.000 đồng. Ông T đã nộp 8.676.950 đồng theo biên lai thu số 013737 ngày 25/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 11.644.000 đồng.

- Các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M phải chịu 7.048.000 đồng. Ông M đã nộp 2.968.000 đồng theo biên lai thu số 013739 ngày 25/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 4.080.000 đồng.

- Bà Phạm Thị Thu N phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà N đã nộp 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 013739 ngày 25/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 150.000 đồng.

- Anh Huỳnh Ngọc Tuấn, anh Huỳnh Nhật T mỗi người phải chịu 200.000 đồng. Anh T, anh T mỗi người đã nộp 2.192.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24340, số 24341 ngày 26/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C nên mỗi người được hoàn lại số tiền 1.992.000 đồng.

8. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá:

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 1.300.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu 2.200.000 đồng.

- Các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M phải chịu 407.661 đồng.

Ông Hải đã nộp số tiền 3.907.661 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá nên ông T phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 2.200.000 đồng, các đồng thừa kế của ông M phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 407.661 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 30/10/2018, nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N có đơn kháng cáo yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình đối với diện tích 2.734 m² đất ruộng và 211m² đất thổ cư..

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Hải, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bào về quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Yêu cầu của nguyên đơn chia quyền sử dụng đất trong hộ là có cơ sở. Bởi vì, đất cấp

cho hộ cụ L, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đất cấp cho hộ. Án sơ thẩm cho rằng vợ chồng ông H không có công sức đóng góp gì là chưa có cơ sở. Phần đất 2.000 m² ông T tự kê khai, không có giấy tờ gì thể hiện ông T được cho đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

- Ông T, bà L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông H, bà N.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu: Ông H không có công sức đóng góp gì, nên nại ra quyền sử dụng đất cấp cho hộ là không có cơ sở. Các văn bản thể hiện quyền sử dụng đất do cụ L, cụ B đứng tên. Năm 2005 ông H tranh chấp chia tài sản chung trong hộ nhưng Tòa án nhân dân huyện C đã đình chỉ giải quyết. Tại văn bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T cụ L không đồng ý chia tài sản chung trong hộ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ L và gia đình ông H nên đều có quyền ngang nhau đối với thửa 1033 và thửa 1762 nhưng Tòa cấp sơ thẩm dựa vào hồ sơ địa chính để xác định đây là tài sản chung của cụ Lộ, cụ Bé và không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà N là chưa có cơ sở vững chắc. Theo đơn khởi kiện ông H yêu cầu chia di sản thừa kế của cha anh H để lại là 1 phần trong diện tích 2.734m², buộc ông T trả lại quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông H, nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ phần đất gia đình ông H được chia trong khối tài sản chung có diện tích bao nhiêu, phần chia thừa kế là bao nhiêu trong thửa 1033 và thửa 1762. Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thu thập, đánh giá chứng cứ dẫn đến giải quyết nội dung chưa phù hợp. Đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Các phần khác của bản án không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguồn gốc đất đang tranh chấp diện tích đất ruộng 2.734m² và diện tích đất thổ quả 211m² tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang của cụ L (chết 2007) và cụ B (chết 2000) chết có để lại. Sau khi cụ B chết, năm 2002 cụ L kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.945m², thửa 1033 và thửa 1762 theo giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số 02372 QSDĐ/1429/QĐUBH ngày 12/4/2002 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ cụ L đứng tên. Sau khi cụ L chết, phần đất ruộng do ông T quản lý, còn phần đất thổ quả do ông H cất nhà ở và sử dụng cho đến nay. Xét thấy, năm 2000 cụ B chết, phần di sản của cụ B phát sinh thừa kế, việc cụ L kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ L mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ B. Do đó, cụ L chỉ được định đoạt phần tài sản của cụ L. Vì vậy, phần tài sản của cụ L được xác định là tài sản chung của hộ cụ L. Năm 2002 thì thành viên hộ của cụ L gồm cụ L, ông H, bà N, anh T (sinh 1991), anh T (sinh 1996). Anh T, anh T lúc đó còn nhỏ không có công sức đóng góp gì đối với tài sản cấp cho hộ. Như vậy, hộ của cụ L được xác định gồm: cụ L, ông H, bà N. Năm 2005 thì cụ L đã lập di chúc định đoạt phần tài sản của cụ L trong diện tích đất 2.876m² cho ông T. Án sơ thẩm nhận định di chúc có giá trị một phần là có cơ sở. Do đất cấp cho hộ cụ L, nên ông H, bà N yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất trong hộ là có cơ sở.

Như vậy, phần đất diện tích 211m² (đo thực tế là 257,4m²) thừa 1762 được xác định là ½ thuộc di sản thừa kế của cụ B và ½ là tài sản chung trong hộ cụ L. Phần đất ruộng diện tích 2.734m² (đo thực tế 2.876m²) thừa số 1033 được xác định là ½ thuộc di sản thừa kế của cụ B và ½ là tài sản chung trong hộ cụ L.

[4] **Đối với thừa diện tích 211m² (đo đạc thực tế 257,4m²)** (trong đó, 136,7m² đất thổ, 120,7m² đất cây lâu năm). Thành tiền là 136,7m² x 3.000.000m² + 120,7m² x 1.700.000 đồng = 615.290.000 đồng

- Phần cụ B ½ diện tích 257,4m² là 128,7m². Thành tiền là 307.645.000 đồng. Số tiền này chia cho 07 kỹ phần thừa kế gồm: cụ L, ông M, ông T, ông L, ông T, ông H, ông N mỗi người có giá trị 43.949.000 đồng.

- Phần của cụ L ½ diện tích 257,4m² là 128,7m², giá trị là 307.645.000 đồng chia cho 3 thành viên trong hộ gồm: cụ L, ông H/, bà N mỗi người 102.548.333 đồng và phần hưởng thừa kế của cụ B là 43.949.000 đồng. Tổng cộng là 146.497.333 đồng. Phần này cụ L không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật cho 05 kỹ phần thừa kế gồm ông M, ông L, ông T, ông , ông T mỗi người là 29.299.466 đồng.

Xét thấy: Ông N, ông T tự nguyện cho lại kỹ phần thừa kế đối với đất ruộng cho ông T và cho lại kỹ phần thừa kế đất thổ quả cho ông H. Các đồng thừa kế của ông L là bà B, anh D, chị V tự nguyện cho ông H kỹ phần thừa kế được nhận là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy:

- Phần ông M được chia giá trị là:

43.949.000 đồng + 29.299.466 đồng = 73.248.466 đồng;

- Phần ông H được chia giá trị là:

43.949.000 đồng + 29.299.466 đồng +(102.548.333 đồng + 131.847.000 đồng + (29.299.466 đồng x 2) = 366.242.731 đồng;

- Phần bà N được chia giá trị là: 102.548.333 đồng.

[5] **Đối với phần đất ruộng diện tích 2.734m² (đo thực tế 2.876m²)** thuộc thửa số 1033 được xác định là ½ thuộc di sản thừa kế của cụ B là 1.438 m², phần cụ L 1.438m², có giá trị mỗi người là 186.940.000 đồng.(1.438m² x 130.000 đồng/m²)

+ Phần cụ B chia cho 7 kỹ phần thừa kế gồm: ông L, ông M, ông T, ông L, ông T, ông H, ông N, mỗi kỹ phần 205,4m² = 26.705.700 đồng.

+ Phần cụ L 1.438m², cấp cho hộ chia làm 3 phần, mỗi phần 479,3m², có giá trị mỗi người là 186.940.000 đồng : 3 = 62.313.333 đồng.

Tổng cộng phần cụ L diện tích 648,7m², thành tiền là:

62.313.333 đồng + 26.705.700 đồng = 89.019.033 đồng. Cụ L di chúc lại toàn bộ cho ông T.

Như vậy:

- Ông M được chia giá trị là 26.705.700 đồng;
- Ông T được chia 1.300,9m², có giá trị 169.136.133 đồng;
- Ông H được chia 890,1m², có giá trị là 115.724.733 đồng;
- Bà N được chia 479,3m², có giá trị là 62.313.333 đồng.
- * Như đã phân tích trên, các giá trị được phân chia như sau:
 - Kỹ phần ông M được hưởng là 99.952.166 đồng.
 - Phần ông T được hưởng là 242.384.599 đồng.
 - Phần bà N được hưởng là 164.861.666 đồng.
 - Phần ông H được hưởng là 481.967.464 đồng.

[6] Phần hoàn trả theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 6/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông H đã hoàn trả cho ông M số tiền là 47.215.368 đồng; Ông T đã hoàn trả cho ông M số tiền là 13.147.434 đồng; Ông Huỳnh Văn H đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền 7.773.084 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà N, sửa bản án sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn đề nghị phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[9] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận một phần.

[10] Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị hủy án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[11] Về án phí: Do kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N được chấp nhận nên ông H, bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 35, Điều 157, Điều 165, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vào các điều 634, 652, 667, 676, 684, 685 Bộ luật Dân sự 2005, khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án 2009.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N.

Sửa Bản án sơ thẩm số: 287/2018/DS-ST ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất và chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn M về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Huỳnh Nhật T, Huỳnh Ngọc T về việc yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất.

2. Xác định di sản thừa kế do cụ Nguyễn Thị B để lại là:

- Phần đất ruộng diện tích 1.438m² thuộc thửa số 1033, TĐĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

- Phần đất thổ quả diện tích 128,7m² thuộc thửa số 1762, TĐĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

3. Xác định di sản thừa kế do cụ Huỳnh Văn L để lại là:

- Phần đất ruộng diện tích 479,3m² thuộc thửa số 1033, TĐĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

- Phần đất thổ quả diện tích 42,9m² thuộc thửa số 1762, TĐĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

4. Xác định di chúc lập ngày 09/3/2005 của cụ Huỳnh Văn L có hiệu lực pháp luật một phần.

5. Chia cho ông Huỳnh Văn H, bà Phạm Thị Thu N được quản lý, sử dụng phần đất thổ quả diện tích 211m² (đo thực tế 257,4m²) thuộc thửa số 1762, TĐĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang với tứ cận:

- Đông giáp Tỉnh lộ 866.

- Tây giáp Đặng Văn N.

- Nam giáp Huỳnh Văn M.

- Bắc giáp Phan Văn T.

(Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 06/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

- Ông Huỳnh Văn H, bà N có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M 73.248.466 đồng. Ông Huỳnh Văn H đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn M số tiền 47.215.386 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 06/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được căn

trừ nên còn phải hoàn lại cho các đồng thừa kế của ông M số tiền 26.033.080 đồng.

- Ông Huỳnh Văn H, bà N có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Huỳnh Văn T 73.248.466 đồng. Ông Huỳnh Văn H đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền 7.773.084 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 06/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được cản trừ nên còn phải hoàn lại cho ông T số tiền 65.475.382 đồng.

+ Ghi nhận ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L cho lại kỷ phần thừa kế cho ông Huỳnh Văn H.

6. Chia cho ông Huỳnh Văn T được quản lý, sử dụng phần đất ruộng diện tích 2.734m² (đo thực tế 2.876m²) thuộc thửa số 1033, TBĐ số 2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang với tứ cận:

- Đông giáp Nguyễn Thị B.
- Tây giáp Nguyễn Văn L.
- Nam giáp Trần Văn T.
- Bắc giáp Huỳnh Thị C, Nguyễn Thị T.

(Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 06/4/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C)

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M 26.705.700 đồng. Ông Huỳnh Văn T đã hoàn trả cho ông Huỳnh Văn M số tiền 13.147.434 đồng theo bản án dân sự phúc thẩm số 129/2012/DSPT ngày 6/4/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, được cản trừ nên còn phải hoàn lại cho các đồng thừa kế của ông M số tiền 13.558.266 đồng.

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Huỳnh Văn H số tiền 115.724.733 đồng.

Ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Phạm Thị Thu N số tiền 62.313.333 đồng.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn N, ông Huỳnh Ngọc T cho lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Huỳnh Văn T.

Ghi nhận các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn L cho lại kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Huỳnh Văn H.

Ông Huỳnh Văn H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

7. Công nhận phần đất diện tích 654,1m² thuộc thửa số 7 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang và phần đất diện tích 608,3m² thuộc thửa đất số 77 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Huỳnh Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

8. Án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 23.278.698 đồng, đã nộp 9.704.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013746 ngày 16/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 13.574.698 đồng.

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu 12.119.229 đồng, đã nộp 8.676.950 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013737 ngày 25/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 3.442.279 đồng.

- Các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M phải chịu 4.997.608 đồng. Ông M đã nộp 2.968.000 đồng theo biên lai thu số 013739 ngày 25/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 2.029.608 đồng.

- Bà Phạm Thị Thu N phải chịu 8.243.083 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp 50.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013739 ngày 25/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên còn phải nộp tiếp 8.193.083 đồng.

- Anh Huỳnh Ngọc T, anh Huỳnh Nhật T mỗi người phải chịu 200.000 đồng. Anh T, anh T mỗi người đã nộp 2.192.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24340, số 24341 ngày 26/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, nên mỗi người được hoàn lại số tiền 1.992.000 đồng.

8.2. Án phí phúc thẩm:

- Ông H, bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông H, bà N số tiền đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008943 ngày 30/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

9. Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá:

- Ông Huỳnh Văn H phải chịu 1.300.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn T phải chịu 2.200.000 đồng.

- Các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn M phải chịu 407.661 đồng.

Ông H đã nộp số tiền 3.907.661 đồng tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá nên ông T phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 2.200.000 đồng, các đồng thừa kế của ông M phải hoàn trả lại cho ông H số tiền 407.661 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 10 phút ngày 10/5/2019 có mặt ông H, bà N, Kiểm sát viên./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - THADS huyện C;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2019-H

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn